TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI
TỈNH H□NG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2023/HNGĐ -ST
Ngày 14/6/2023
"V/v ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Bá Hân
Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Ngọc - Cán bộ nghỉ hưu
Bà Dương Thị Thu Hồng – Chủ tịch Hội phụ nữ xã

-***Thư ký phiên toà***: Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
- ***Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hữu - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 06 năm 2023, Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2023/TLST - HNGĐ ngày 20/3/2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 16/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05/6/2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Phan Thị H, sinh năm 1988 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- ***Bị đơn:*** Anh Vũ Văn T, sinh năm 1989 (vắng mặt)

- Người có QLNV liên quan: 1. Cháu Vũ Như M, sinh ngày 26/5/2014
2. Cháu Vũ Mạnh T, sinh ngày 16/8/2016

Người đại diện hợp pháp của các cháu: Chị H – Mẹ đẻ của các cháu

Đều trú tại: ĐM, BS, Ân Thi, Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 22/12/2022 và lời khai của chị H trình bầy chị và anh T có thời gian tìm hiểu nhau, sau một thời gian tìm hiểu thống nhất về báo cáo hai gia đình, hai gia đình nói chuyện và tổ chức cưới cho anh, chị, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bãi Sậy vào năm 2014. Sau khi cưới chị về ngay gia đình anh T chung sống, được khoảng 6 tháng thì vợ chồng ra ăn riêng. Thời gian đầu vợ

chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, nhưng được 1 thời gian ngắn anh T chơi bời, không làm ăn gì, nhiều khi nợ nần về nhà chửi bới chị và đánh đập chị. Hầu như năm nào cũng nợ nần và chơi bời, không làm ăn được gì, ở nhà cũng không giúp đỡ được vợ con. Đã có lần chị làm đơn ra Tòa nhưng gia đình khuyên ngăn để cho anh T cơ hội thay đổi nên chị đã rút hồ sơ về và cho anh T cơ hội sửa sai, nhưng càng nhường nhịn và cho anh T cơ hội thì anh T càng chơi bời và hành hạ chị về mặt tinh thần, chửi bới chị, một mình chị phải chăm sóc, chăm lo cho gia đình, con cái ốm đau. Chị và gia đình khuyên anh T đi làm kiếm tiền trang trải cuộc sống nhưng anh T chỉ đi làm chống đối vài hôm rồi lại thôi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị làm đơn xin ly hôn anh T.

Về con chung: Có 02 con chung. Chị nhận nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị Tòa giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của anh Vũ Văn T trình bày: Anh và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bãi Sậy vào năm 2014. Sau khi cưới chị H về ngay gia đình anh chung sống, được 1 thời gian vợ chồng thuê nhà ra vì chị H có nghề làm răng. Quá trình chung sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn, vì vậy chị H ly hôn anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị Tòa giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Vũ Văn Huy (bố đẻ của anh T) trình bày: Anh chị tự tìm hiểu nhau, anh chị về báo cáo gia đình, ông có nói với chị H là anh T chơi bời thì chị H bảo sẽ thay đổi được anh T nên anh chị vẫn đến với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bãi Sậy vào năm 2014. Sau khi cưới chị H về ngay gia đình ông chung sống. Được một thời gian anh chị thuê nhà ra ở riêng. Ông thấy anh chị có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 02 con chung. Ông thấy anh chị có cãi nhau vì lý do anh T chơi bời, không chịu làm ăn nhưng anh T có nợ nần thì toàn ông trả chứ chị H không phải trả. Đến nay anh T đã thay đổi và đi làm, ông biết chị H làm đơn xin ly hôn từ tháng 12/2022, ông có khuyên nhưng chị H vẫn kiên quyết ly hôn là quyền của chị H.

Về con chung: Anh T, chị H có 02 con chung là Vũ Như M, sinh năm 2014 và Vũ Mạnh T, sinh năm 2016.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không nắm được.

Tại biên bản xác minh với UBND xã Bãi Sậy: Chị H, anh T là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bãi Sậy vào ngày 10/4/2014 tại số 15. Do mất đăng

ký kết hôn nên ngày 27/10/2020 chị H, anh T xin cấp lại. Sau khi thành vợ chồng chị H, anh T chung sống với nhau tại địa phương. Quá trình chung sống chị H, anh T có mâu thuẫn hay không UBND xã không nắm được.

Về con chung: Vợ chồng chị H, anh T có 02 con chung là Vũ Như M, sinh năm 2014 và Vũ Mạnh T, sinh năm 2016. Hiện nay các cháu đang sinh sống và học tập tại Bãi Sậy

Về tài sản chung, công sức, công nợ: UBND xã không nắm được. Hiện nay anh T làm gì, ở đâu UBND xã không nắm được, còn chị H có phòng khám răng tại ĐM, BS, Ân Thi.

Tại phiên tòa ngày 05/6/2023: Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Còn anh T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ nhất. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của BLTTDS, HĐXX tiến hành hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 14/6/2023: Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn anh T được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 228, điều 238 BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn

**** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:***

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán, thư ký chấp hành đúng quy định tại điều 48; 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Điều 70, Điều 71 BLTTDS.

Bị đơn: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải và triệu tập đến phiên tòa lần hai nhưng đều vắng mặt không có lý do, đã vi phạm quy định khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về đường lối giải quyết:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị H, xử cho chị H được ly hôn anh T.

Về con chung: Giao cho chị H được quyền chăm sóc nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Vũ Như M và cháu Vũ Mạnh T đến tuổi thành niên, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và quan điểm của đại diện VKSND huyện, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H, anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bãi sậy vào ngày 10/4/2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh T là hợp pháp. Nay chị H có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Anh T có ĐKHKTT tại ĐM, BS, Ân Thi nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Chị H xác định vợ chồng chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân anh T thường xuyên chơi bời, dẫn đến nợ nần, không chịu làm ăn, nếu có đi làm thì chỉ được vài ngày lại bỏ, anh T không giúp được việc gì cho gia đình, một mình chị H phải chăm sóc, chăm lo gia đình, con cái, đã có lần chị làm đơn ly hôn anh T nhưng gia đình khuyên ngăn vì nghĩ cho con nên chị không nộp đơn và cho anh T cơ hội thay đổi, nhưng anh T không thay đổi, vẫn chơi bời, nợ nần, hành hạ chị về tinh thần. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Về phía anh T trình bày vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức ly hôn, vì vậy chị H xin ly hôn anh mong muốn vợ chồng về ở với nhau nên không đồng ý ly hôn. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành phân tích hòa giải để anh chị về đoàn tụ nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, chị H vẫn kiên quyết ly hôn, sau đó anh T được triệu tập hợp lệ nhưng anh đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiếp tục hoà giải đoàn tụ vợ chồng cho anh chị được. Xét mâu thuẫn của anh T, chị H thì thấy anh chị đã có thời gian mâu thuẫn nguyên nhân như chị H trình bày, phù hợp với lời khai của ông Huy (bố đẻ của anh T), của cháu M, cháu T, anh T mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hơn nữa chị H đã cho anh T cơ hội nhưng anh T không thay đổi. Như vậy thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bởi vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hôn nhân HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh T, chị H có 02 con chung là Vũ Như M, sinh năm 2014 và Vũ Mạnh T, sinh năm 2016. Nay ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung. Còn anh T đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét nguyện vọng của chị H, anh T thể hiện trách nhiệm của người làm cha, làm mẹ, hiện nay cả hai cháu vẫn đang ở với anh T, chị H, quá trình giải quyết vụ án nguyện vọng của hai cháu đều mong muốn được ở với chị H. Xét điều kiện để đảm bảo việc nuôi con của chị H, anh T thì thấy chị H có phòng khám răng tại ĐM, BS, thu nhập ổn định, có điều kiện trực tiếp chăm sóc, trông nom các cháu, quan trọng các cháu có nguyện vọng ở với chị H, hơn nữa xét điều kiện của anh T, mặc dù anh T có trình bày đã đi làm, thu nhập của anh là 9.000.000 đồng/ tháng phù hợp với lời khai của ông Huy (bố đẻ của anh T) "anh T đã thay đổi và đi làm", tuy nhiên anh T mới đi làm, qua trình bày của cháu M, cháu T "bố cháu không chịu làm, làm một thời gian rồi lại nghỉ", do vậy để đảm bảo mọi mặt cho con chung, HĐXX giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Về việc cấp dưỡng, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con là tự nguyện nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1, 3 Điều 228; điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị H được ly hôn anh Vũ Văn T

2- Về con chung: Giao cháu Vũ Như M, sinh ngày 26/5/2014 và cháu Vũ Mạnh T, sinh ngày 16/8/2016 cho chị Phan Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4 - Về án phí : Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0003118 ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị H đã nộp đủ án phí.

5- Quyền kháng cáo: Chị H, anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-Phòng GĐKT tỉnh;
-VKSND + THADS huyện;
-Đương sự;
-UBND xã Bãi Sậy, Ân Thi;
-Lưu HS

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Bá Hân